

NỘI DUNG KIỂM TRA LẠI KHỐI 11
(2025-2026)

I. Multiple choice: (7 pts): 28 câu, 0,25/câu

1. **Tenses:** simple past, past continuous, present perfect
2. **Passive:** simple past, past continuous, present perfect, modal verbs
3. Cleft sentences
4. Gerunds, Perfect gerunds, present participle and perfect participles
5. **Prepositions:** 6f
6. **Phrasal verbs** 6e
7. **Vocabulary:** unit 6 (A, F) , unit 7 (A)
8. **Dialogue, paragraph and letter arrangement:**
9. **Announcement/ advertisement/leaflet**

Đọc điền thông báo/tờ rơi (6 câu)	Từ loại/ Phân từ	1
	Từ vựng (<i>Vocabulary</i>)	1
	Từ hạn định/ Lượng từ	1
	Giới từ (<i>Prepositions</i>)	1
	Cụm từ cố định (<i>Collocations</i>)	1
	Động từ To verb/ V-ing/ Bare V	1

10. Reading comprehension: (250-300 từ)

Đọc hiểu 7 câu	Câu hỏi thông tin chi tiết	1
	Câu hỏi từ vựng gần nghĩa (<i>Closest meaning</i>)	1
	Câu hỏi từ vựng trái nghĩa (<i>Opposite meaning</i>)	1
	Câu hỏi về từ quy chiếu	1
	Câu hỏi TRUE/ NOT TRUE	1
	Câu hỏi về thông tin theo đoạn	2

II. Writing (3 pts):

- **Word form (0,25 pts/câu):** 4 câu: **compose, flexible, frustrate, sympathy, perform, optimist**
- **Transformation (0,5 pts/ câu):** 4 câu

+ passive: simple past, past continuous, present perfect, modal verbs

+ perfect participle, perfect gerund (having + V3/ed)

+ passive: have sth done (7D)

+ double comparison (1 adj)

❖ **Cấu trúc đề kiểm tra lại:**

Thời gian : Multiple choice (7 pts) + writing (3 pts): 60'

I. Multiple choice: (7pts): 28 câu, 0,25/câu

II. Writing (3pts): - word form: 4 câu (0,25pt/câu)

- Transformation: 4 câu (0,5pt/ câu)